

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.  
Ngày: 16 - 01- 2023.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Quý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Việt Tân.
2. Ông Trần Văn Cường.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số 06 Đặng Trầm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 19/1183 đường Nguyễn Tất T, Tổ 03, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 19/1183 đường Nguyễn Tất T, Tổ 03, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2022, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Thu C trình bày:

Chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q kết hôn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị C, anh Q đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại nhà bố mẹ anh Q ở Tổ 03,

phường P, thị xã H. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2017, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q ham cờ bạc, nợ nần. Chị C nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm vợ, khuyên bảo anh Q nhưng không được. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau, nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải Quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn Q.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q có 01 người con chung tên là Dương Quang Đ, sinh ngày 25/12/2015. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm việc tại sân bay P, thu nhập 01 tháng khoảng 12.000.000 đồng nên đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Phạm Thị Thu C không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Về phía bị đơn anh Dương Văn Q: Quá trình thụ lý giải Quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Q, quá thời hạn quy định mà anh Q vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu C được ly hôn với anh Dương Văn Q; giao cháu Dương Quang Đ, sinh ngày 25/12/2015 cho chị Phạm Thị Thu C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). anh Q không cấp dưỡng nuôi con; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị C phải chịu án phí ly hôn theo Q định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Anh Q vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn Q.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Dương Văn Q, có nơi cư trú tại: Số 19/1183 đường Nguyễn Tất T, Tổ 03,

phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về hôn quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q sau khi tìm hiểu nhau, đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 28/11/2014 nên Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không tin tưởng nhau trong công việc kinh tế gia đình, sống không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống, nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn Q. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Q đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh Q không đến, chứng tỏ anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị C, anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu C được ly hôn với anh Dương Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q có 01 người con chung tên là Dương Quang Đ, sinh ngày 25/12/2015. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi chị C và anh Q sống ly thân, cháu Dương Quang Đ, do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về tinh thần và vật chất cho cháu Đ phát triển một cách bình thường toàn diện, đầy đủ nên cần tiếp tục cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Hiện nay, chị C đang làm việc tại sân bay P thu nhập trung bình một tháng 12.000.000 đồng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị C.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu C được ly hôn anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Quang Đ, sinh ngày 25/12/2015 cho chị Phạm Thị Thu C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), anh Dương Văn Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu C và anh Dương Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị Phạm Thị Thu C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003625 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn số 138, ngày 28/11/2014;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Quý Vân**